

BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ

Quý 3/2026

ĐIỂM NHẤN

I. Tăng trưởng GDP

GDP Q3/2026 ghi nhận tăng trưởng 9.95% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2000, chỉ thấp hơn Q3/2022 (tăng trưởng sau dịch). Trong GDP Việt Nam Q3/2026, 62.4% tới từ tiêu dùng (C). Mức đóng góp này tăng so với cùng kỳ (56.2%), chủ yếu do nhập siêu ảnh hưởng tiêu cực tới GDP. Đóng góp của các cấu phần khác lần lượt là Đầu tư (I) đạt 26.8%, Chi tiêu chính phủ (G) đạt 12.8%:

- C (Tiêu dùng): Q3/2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2,039 nghìn tỷ đồng, tăng 3.3% so với quý trước và tăng 14.5% so với cùng kỳ năm trước.
- C (Tiêu dùng): Bình quân 9M/2026, CPI tăng 4.52% so với cùng kỳ, vượt mục tiêu 4.5% cho cả năm 2026. Áp lực tăng giá đã có sự lan tỏa nhất định tới nhiều nhóm hàng.
- I (Đầu tư tư nhân): Quý 3/2026, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 671.33 nghìn tỷ đồng, tăng 14.8% so với cùng kỳ nhưng chỉ còn đóng góp 52% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong Q3/2026, thấp hơn so với mức 54.9% hồi Q4/2025.
- I (Đầu tư khu vực nước ngoài): Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/9/2026 đạt 50.36 tỷ USD, tăng tới 76.4% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, vốn FDI thực hiện đạt 21.07 tỷ USD, mức cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua.
- G (Chi tiêu chính phủ): Q3/2026, vốn đầu tư khu vực nhà nước ước đạt 416.6 nghìn tỷ đồng, tăng 21.4% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng 2026, vốn khu vực Nhà nước chiếm 30.0% tổng vốn và tăng 17.3% so với cùng kỳ năm trước.
- NX (Xuất nhập khẩu): Q3/2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 337.15 tỷ USD, tăng 36% so với cùng kỳ, với cán cân thương mại ghi nhận thâm hụt 2.42 tỷ USD, thấp nhất trong 3 quý đầu năm.

Biểu đồ 1. Cơ cấu GDP Việt Nam Q3/2026



■ Tiêu dùng ■ Đầu tư ■ Chi tiêu chính phủ ■ Xuất nhập khẩu

Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ

Quý 3/2026

ĐIỂM NHẤN

Một số chỉ tiêu kinh tế khác

- PMI: PMI tháng 9 đạt 51.9 điểm. Ngành sản xuất Việt Nam đã ghi nhận tăng trưởng liên tục kể từ tháng 7/2025, với mức tăng trưởng bình quân Q3/2026 cải thiện so với quý liền kề khi biến động địa chính trị phần nào hạ nhiệt.
- IIP: IIP quý 3/2026 ước tăng 14.8% so với cùng kỳ, trong đó chế biến, chế tạo tăng 15.3%, đưa 9 tháng lên 12.3%, mức cao nhất cùng kỳ kể từ năm 2019.
- Vận tải hành khách – hàng hóa: Vận tải tiếp tục tăng trưởng hai chữ số trong tháng 9 và quý 3/2026, nhưng sự phân hóa giữa các phương thức ngày càng rõ khi đường bộ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong vận chuyển hàng hóa, còn đường sắt lại đi theo chiều ngược lại.

II. Thị trường tiền tệ

Trong 9 tháng đầu năm 2026, NHNN điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phù hợp diễn biến thị trường, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiên định ưu tiên mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2026 bình quân khoảng 4.5%.

- Tổng phương tiện thanh toán: Tính đến thời điểm 28/9/2026, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9.78% so với cuối năm 2025 (cùng thời điểm năm trước tăng 9.99%). Trong bối cảnh các kênh đầu tư phổ biến như chứng khoán, vàng, bất động sản gặp nhiều thách thức trong môi trường lãi suất cao, tiền gửi dân cư đã có xu hướng quay lại hệ thống ngân hàng.
- Tăng trưởng tín dụng: Tính tới ngày 30/09/2026, tổng dư nợ của hệ thống đạt khoảng 20.75 triệu tỷ đồng, tăng 11.59% so với cuối năm trước và 16.69% so với cùng kỳ năm 2025. Chênh lệch tín dụng huy động ghi nhận hạ nhiệt so với Q2/2026.
- Lãi suất huy động và cho vay: Mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao dù tốc độ tăng lãi suất đang chậm lại và mặt bằng lãi suất về cơ bản đang xoay quanh mặt bằng mới.
- Nghiệp vụ thị trường mở: Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, NHNN đã hút ròng 258.3 nghìn tỷ đồng. Tính tới cuối ngày 7/10, NHNN vẫn tiếp tục đà hút ròng, đưa khối lượng lưu hành về mức 94.2 nghìn tỷ đồng.
- Lãi suất liên ngân hàng: Lãi suất liên ngân hàng bình quân tháng đã liên tục suy giảm từ đỉnh Tết âm lịch tháng 2/2026, hiện chỉ còn 3.41% trong tháng 9/2026. Đa số các lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn như 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng đều ghi nhận giảm so với đầu năm.
- Tỷ giá: Tính tới ngày 6/10/2026, tỷ giá USD/VND tại VCB và thị trường tự do lần lượt ghi nhận giảm 0.71% và 2.95% so với đầu năm nhờ được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI liên tục cải thiện, môi trường lãi suất neo cao trong nước và cán cân thương mại trở lại thặng dư.
- Dự trữ ngoại hối: Quy mô dự trữ ngoại hối hiện đạt khoảng 87.6 tỷ USD. Mức dự trữ này vẫn còn khiêm tốn so với tiêu chuẩn an toàn 3 tháng nhập khẩu (tương đương 169.78 tỷ USD).
- Trái phiếu chính phủ: Tính từ đầu năm đến ngày 30/9, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 296,227 tỷ đồng TPCP các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 59.2% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026. Trong số này, trái phiếu kỳ hạn 10 năm được phát hành nhiều nhất với 215,869 tỷ đồng.

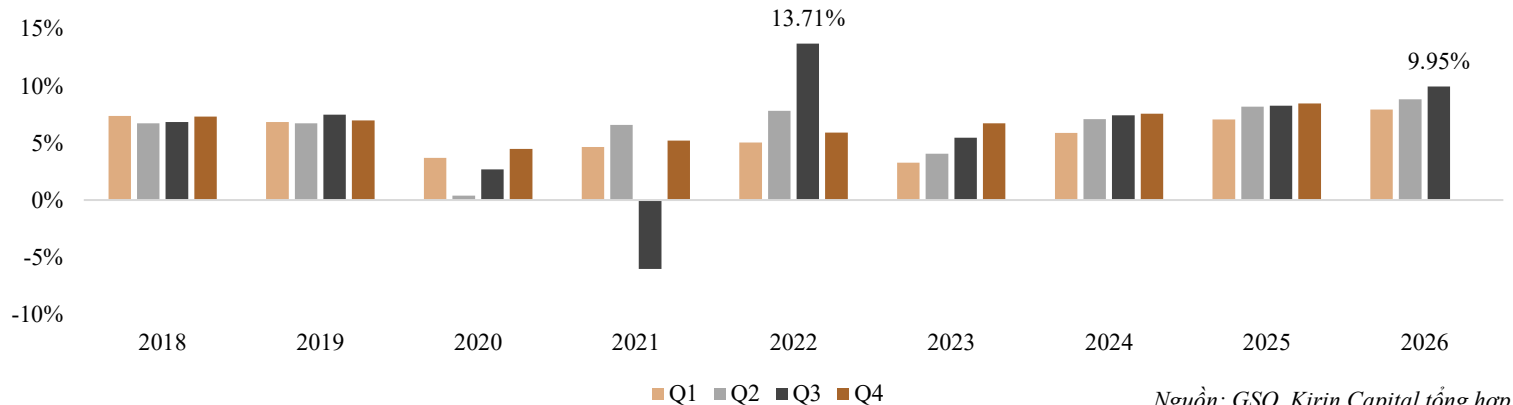
Tăng trưởng GDP

GDP Q3/2026 ghi nhận tăng trưởng 9.95% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng vượt kỳ vọng của thị trường, tuy vẫn thấp hơn đỉnh cũ là Q3/2022 (tăng trưởng sau dịch COVID-19). Động lực tăng trưởng chính tới từ khu vực Công nghiệp & xây dựng (+12.5% so với cùng kỳ).

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, GDP cả nước tăng 9.01% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11.21%, đóng góp 49.62%; khu vực dịch vụ tăng 8.69%, đóng góp 45.03%. Hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh tạo thêm khối lượng sản xuất – đầu ra cho sản xuất công nghiệp, xuất khẩu ghi nhận mở rộng trong khi tiêu dùng trong nước hỗ trợ duy trì nhịp tăng của khu vực thương mại, dịch vụ.

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ sáng 3/10/2026, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu GDP quý IV phải tăng trên 12.5% để có thể đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm trên 10%. Đây là một thách thức lớn khi hiện vẫn ghi nhận 23/34 địa phương tăng trưởng thấp hơn mục tiêu cả năm. Chính phủ đã phân giao chỉ tiêu cụ thể cho từng địa phương, đồng thời "bật đèn vàng" với những nơi chưa đạt kỳ vọng trong quý III để làm cơ sở đánh giá, luân chuyển cán bộ. Một số địa phương ghi nhận mức tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm vượt mục tiêu bao gồm Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Ninh Bình,...

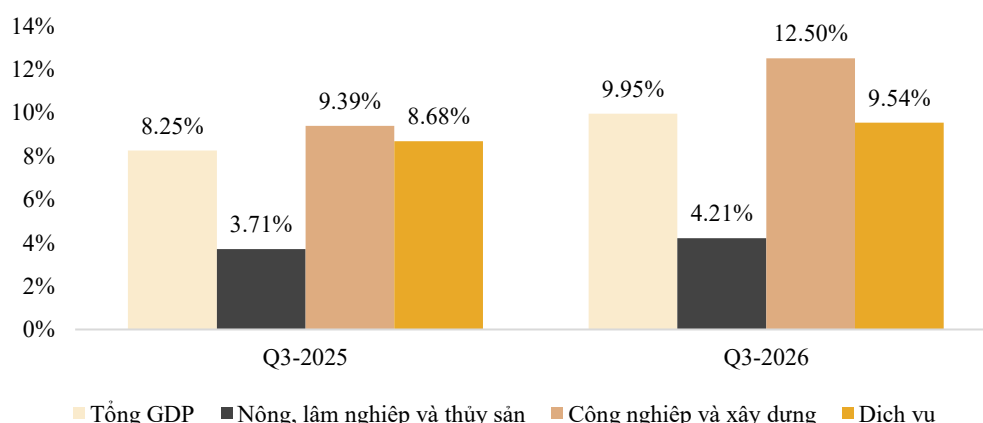
Biểu đồ 2. Tăng trưởng GDP hàng quý, so với cùng kỳ, 2018-2026



Ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá nhờ các động lực tăng trưởng được mở rộng, một số dự án có quy mô lớn đi vào hoạt động, đơn hàng xuất khẩu phục hồi và tiến độ đầu tư công được đẩy mạnh, tạo hiệu ứng lan tỏa đến sản xuất và xây dựng.

Trong khu vực dịch vụ, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ, du lịch trong nước duy trì ở mức cao, góp phần quan trọng vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Một số ngành dịch vụ có mức tăng và đóng góp đáng kể gồm: Ngành vận tải, kho bãi tăng 11.03%, đóng góp 7.21%; bán buôn và bán lẻ tăng 9.85% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 11.99%. Cơ cấu tiêu dùng đang chuyển dịch theo hướng gia tăng tỉ trọng dịch vụ và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, phản ánh sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng và góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo chiều sâu.

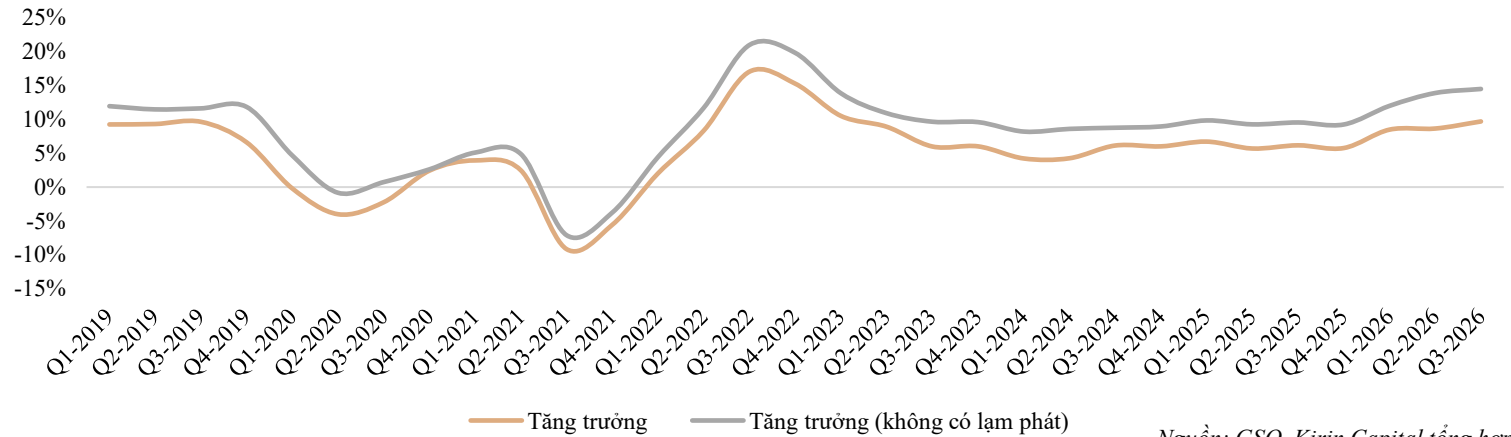
Biểu đồ 3. Tăng trưởng Q3/2026 so với cùng kỳ của Việt Nam



C - Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

Trong Q3/2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2,039 nghìn tỷ đồng, tăng 3.3% so với quý trước và tăng 14.5% so với cùng kỳ năm trước. Loại trừ yếu tố lạm phát, Q3/2026 ghi nhận tăng trưởng đạt 9.7%, tiệm cận mức 2 chữ số. Những số liệu này khẳng định nhịp đập thương mại nội địa đang tiến triển hết sức nhịp nhàng và ổn định qua từng quý. Tính chung 9 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5,925.7 nghìn tỷ đồng, tăng 13.4% so với cùng kỳ năm trước; nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.8%, trong khi năm 2025 tăng 7.2%.

Biểu đồ 4. Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa & dịch vụ so với cùng kỳ

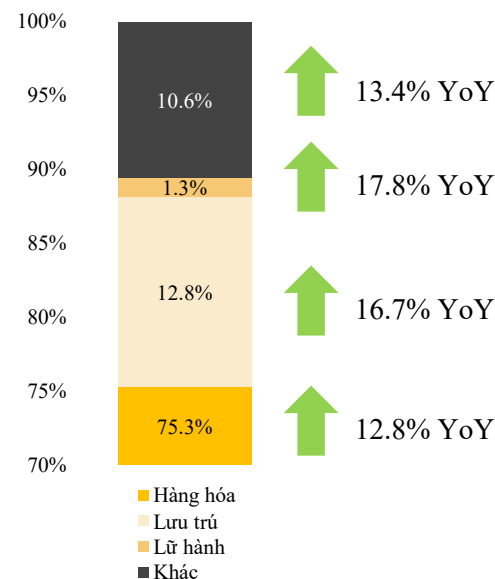


Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

9 tháng đầu năm 2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 4,463 nghìn tỷ đồng, chiếm 75.3% tổng mức và tăng 12.8% so với cùng kỳ năm trước. Một số nhóm hàng ghi nhận mức tăng khá cao, trong đó doanh thu nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 29.2%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 22%; hàng hóa khác tăng 18.8%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 17.2%; xăng, dầu các loại tăng 14.9%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa cũng đã duy trì mức tăng trưởng so với cùng kỳ cao kể từ tháng 6/2026.

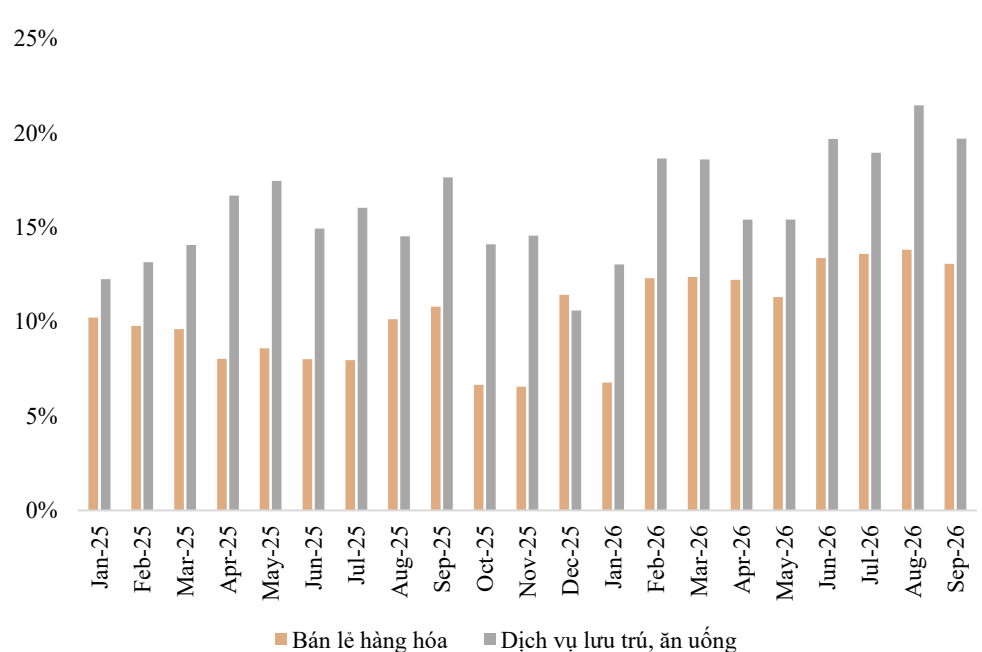
Chín tháng năm 2026, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 758.6 nghìn tỷ đồng, chiếm 12.8% tổng mức và tăng 16.7% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều địa phương du lịch trọng điểm đạt mức tăng trưởng cao như Đà Nẵng tăng 21.7%; Quảng Ninh tăng 20.6%; Khánh Hòa tăng 20.5%; Huế tăng 20.4%; Lâm Đồng tăng 19.4%. Hai trung tâm kinh tế lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 16.3% và 14.1%.

Biểu đồ 5. Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa & dịch vụ so với cùng kỳ 9M/2026



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

Biểu đồ 6. Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ lưu trú, ăn uống



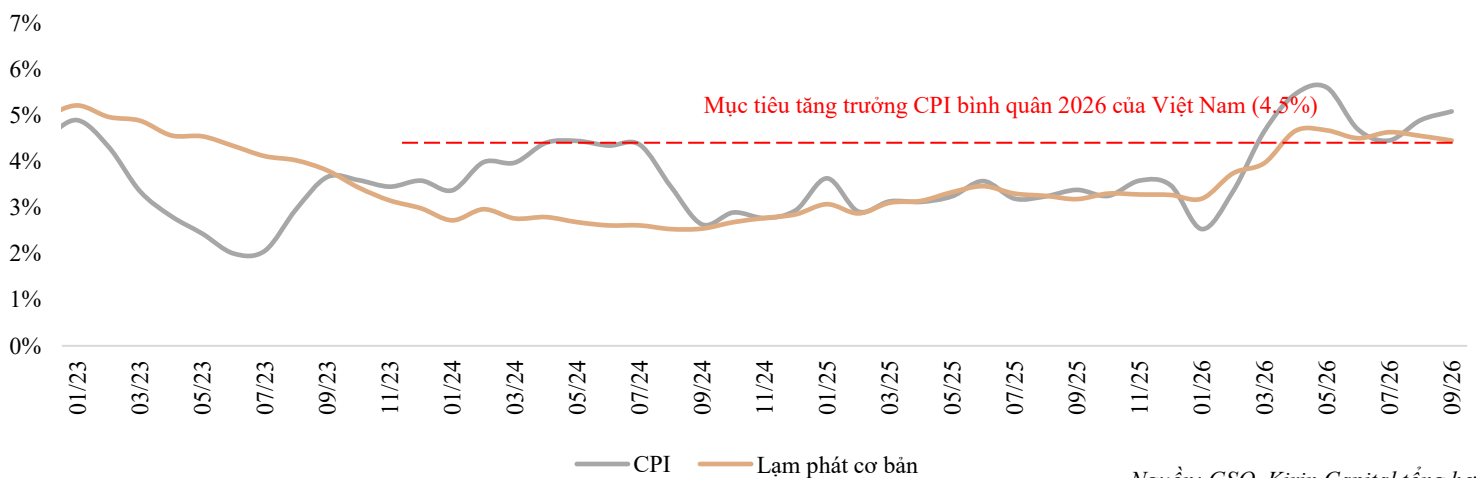
Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

C – Chỉ số giá CPI

Tháng 9/2026, CPI ghi nhận tăng 0.62% so với tháng liền kề, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới và một số trường đại học, trường dân lập, tư thục điều chỉnh tăng học phí năm học mới. So với cùng kỳ, CPI tháng 9/2026 tăng 5.08%, ghi nhận tháng thứ 6 trong năm 2026 có mức tăng trưởng CPI so với cùng kỳ vượt mục tiêu tăng trưởng CPI của Quốc hội đề ra là 4.5%. CPI bình quân Q3/2026 tăng 4.80% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9M/2026, CPI tăng 4.52% so với cùng kỳ, vượt mục tiêu 4.5% cho cả năm 2026. Áp lực tăng giá đã có sự lan tỏa nhất định tới nhiều nhóm hàng.

Một vấn đề đáng chú ý khác là sức ép từ phía cầu lên lạm phát đã rõ hơn trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế cao, tín dụng đầu tư và tiêu dùng cùng mở rộng. Ngoài ra, tín dụng đầu tư thường có độ trễ nhất định đối với giá cả. Khi dòng vốn tiếp tục chuyển hóa thành hoạt động sản xuất, đầu tư và tiêu dùng, tác động đến mặt bằng giá có thể thể hiện rõ hơn trong những tháng cuối năm, thậm chí kéo dài sang năm 2027, nhất là ở các lĩnh vực có nguồn cung hạn chế như vật liệu xây dựng, năng lượng, vận tải và một số dịch vụ. Trong bối cảnh áp lực lạm phát rất lớn, phân công nhiệm vụ chung cho các Bộ, địa phương, Thủ tướng đã nêu rõ yêu cầu kiểm soát chặt chẽ giá cả, quyết tâm phấn đấu giữ mục tiêu lạm phát năm 2026 đã được Quốc hội thông qua. Dù vậy, dư địa để Đảng và Chính phủ kiểm soát lạm phát dưới 4.5% cả năm 2026 không còn nhiều.

Biểu đồ 7. Tốc độ tăng trưởng CPI và mức lạm phát cơ bản (so với cùng kỳ) của Việt Nam

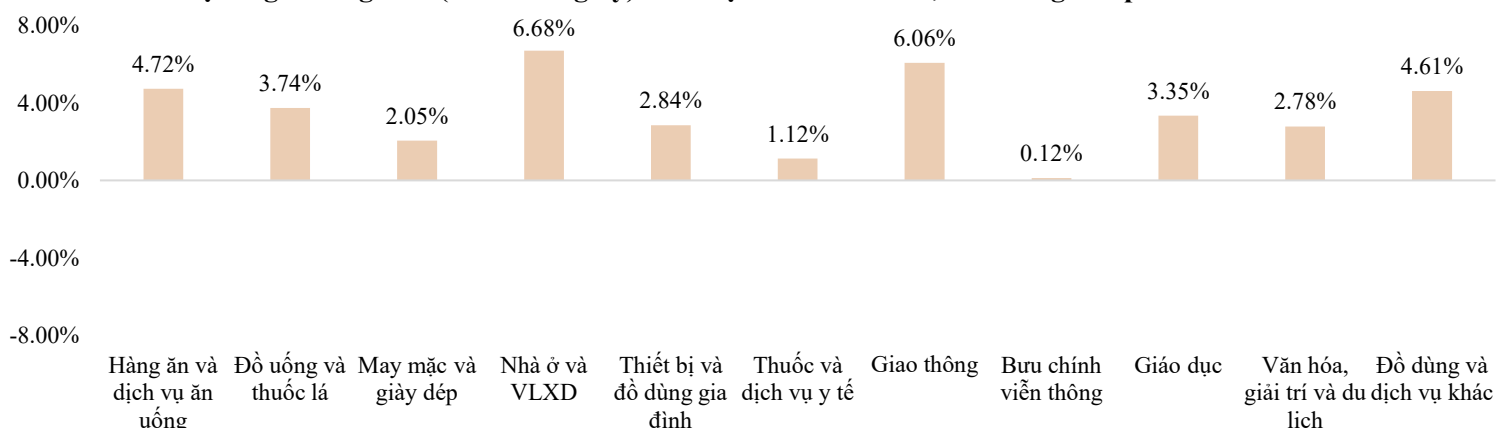


Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

Những yếu tố chính làm tăng CPI 9 tháng đầu năm so với cùng kỳ bao gồm:

- Giá xăng dầu, giá gas tăng cao theo diễn biến của thị trường thế giới.
- Giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng do giá vật liệu xây dựng, chi phí sửa chữa và nhu cầu sử dụng điện tăng
- Giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng.

Biểu đồ 8. Tốc độ tăng trưởng CPI (so với cùng kỳ) của Việt Nam 9M/2026, theo từng cấu phần



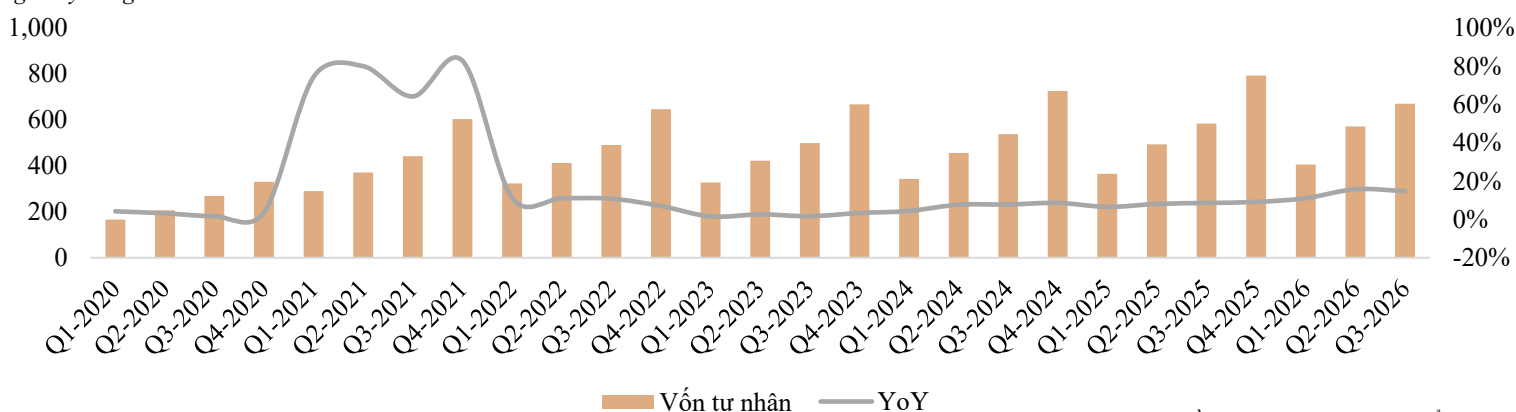
Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

I – Đầu tư tư nhân

Quý 3/2026, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 671.33 nghìn tỷ đồng, tăng 14.8% so với cùng kỳ và tăng 17.5% so với quý liền kề. Dù vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ 2 chữ số kể từ Q1/2026, khu vực tư nhân chỉ còn đóng góp 52% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong Q3/2026, thấp hơn so với mức 54.9% hồi Q4/2025. Khu vực nhà nước đã ghi nhận tăng tốc đáng kể với tổng vốn đầu tư tăng tới 21.4% so với cùng kỳ. Về tình hình đăng ký doanh nghiệp, gia nhập ròng tuy ghi nhận dương lũy kể 9 tháng nhưng tính riêng tháng 9 đã đảo chiều âm.. Trong các doanh nghiệp rút lui, tỷ trọng doanh nghiệp hoàn tất giải thể tăng từ 12.7% lên 28.3%, phản ánh quá trình thanh lọc doanh nghiệp không còn khả năng phục hồi, và một phần do chiến dịch rà soát mã số thuế. Trong các doanh nghiệp mới, chất lượng doanh nghiệp mới thay đổi theo hướng vốn lớn hơn, sử dụng ít lao động hơn (9M2026 tăng 3.2% về số doanh nghiệp đăng ký mới nhưng tăng 32.7% về vốn đăng ký và giảm 16.1% về số lao động). Xu hướng này cho thấy tăng trưởng đăng ký mới chủ yếu tập trung tại nhóm doanh nghiệp lớn và FDI.

Biểu đồ 9. Tổng vốn đầu tư khu vực tư nhân

Ngìn tỷ đồng



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

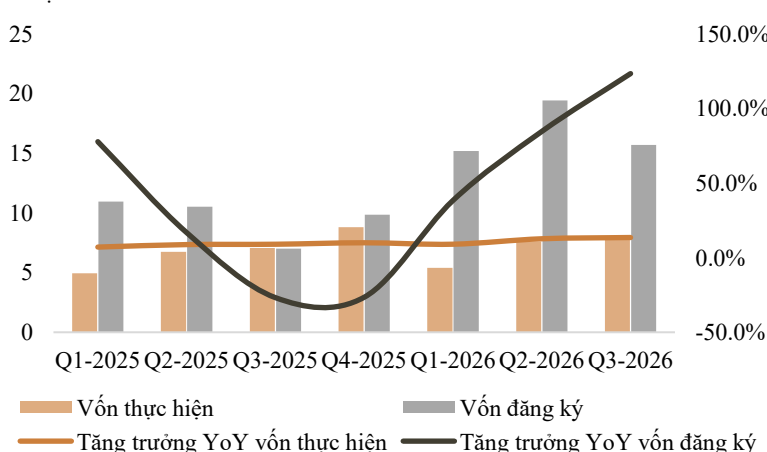
I – Đầu tư FDI

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/9/2026 đạt 50.36 tỷ USD, tăng tới 76.4% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, vốn FDI thực hiện đạt 21.07 tỷ USD, mức cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua, ghi nhận mức tăng trưởng 12.07% so với cùng kỳ. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 45.8% tổng vốn đăng ký cấp mới và chiếm 82.6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện.

Trong số 79 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 9 tháng năm 2026, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 9,26 tỷ USD, chiếm 31.7% tổng vốn đăng ký cấp mới. Về địa bàn đầu tư, Thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An là 6 địa bàn trọng điểm, chiếm 76.5% tổng vốn đăng ký cấp mới.

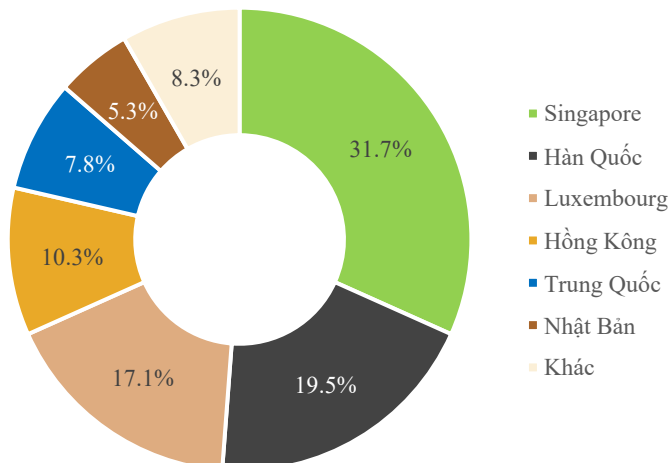
Biểu đồ 10. Giá trị và tăng trưởng vốn FDI tại Việt Nam

Triệu USD



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

Biểu đồ 11. Cơ cấu vốn FDI đăng ký cấp mới vào Việt Nam theo đối tác 9M2026



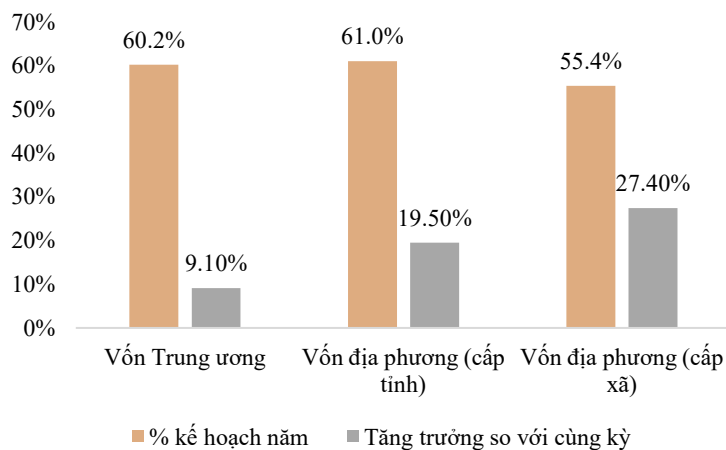
Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

G - Đầu tư khu vực nhà nước

Q3/2026, vốn đầu tư khu vực nhà nước ước đạt 416.6 nghìn tỷ đồng, tăng 21.4% so với cùng kỳ và tăng 35.7% so với quý liền kề. Lũy kế 9 tháng 2026, vốn khu vực Nhà nước đạt 931 nghìn tỷ đồng, chiếm 30.0% tổng vốn và tăng 17.3% so với cùng kỳ năm trước. Theo cấp quản lý, vốn Trung ương đạt gần 97.0 nghìn tỷ đồng, bằng 60.2% kế hoạch năm và tăng 9.1% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương đạt 564.8 nghìn tỷ đồng, bằng 59.9% kế hoạch năm và tăng 20.9% so với cùng kỳ.

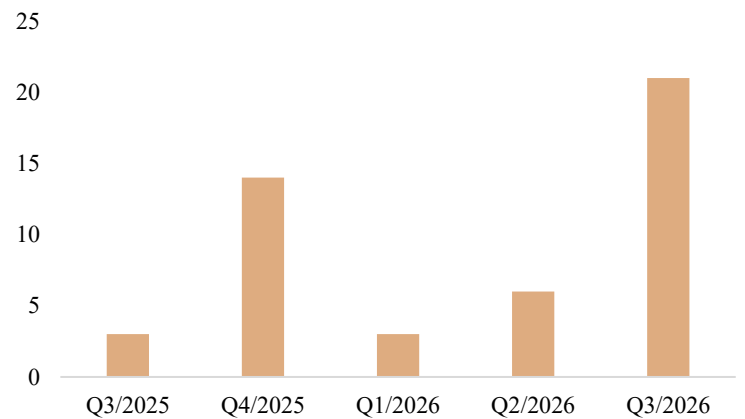
Ngay từ đầu Q2/2026, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu xử lý nghiêm khắc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân gây khó khăn, cản trở, thiếu trách nhiệm làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân; thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, gây những nhiễu, tiêu cực. Sự quyết liệt về mặt nhân sự này đã hỗ trợ cho kết quả giải ngân đầu tư công vô cùng tích cực trong Q3/2026.

Biểu đồ 12. Thực trạng thực hiện (% kế hoạch) vốn đầu tư khu vực nhà nước, theo cấp quản lý 1H2026



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

Biểu đồ 13. Số lượng thay đổi nhân sự (Bí thư/Phó Bí thư, Chủ tịch/Phó Chủ tịch) ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

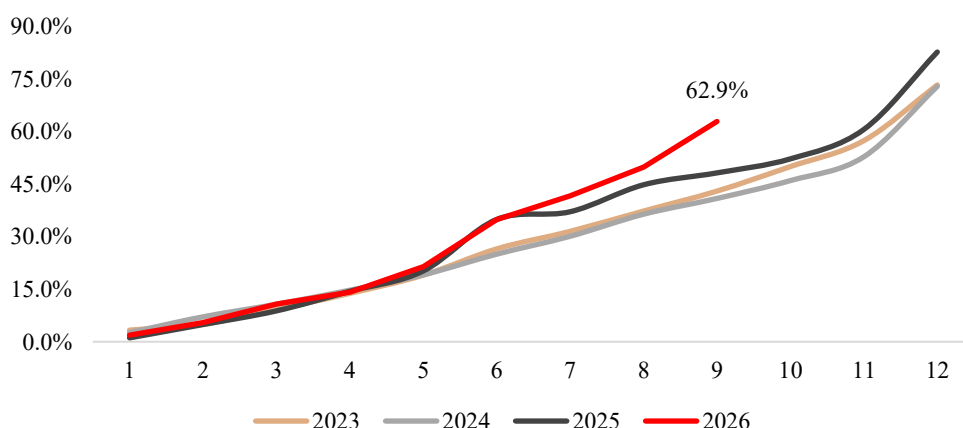


Nguồn: Kirin Capital tổng hợp

Giải ngân vốn đầu tư công lũy kế 9 tháng 2026 đạt 642.9 nghìn tỷ đồng, tương đương tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 62.9%, vượt xa tỷ lệ cùng kỳ của giai đoạn 2023-2025. So với cùng kỳ năm 2025, kết quả giải ngân cao hơn 12.9% về tỷ lệ và 202,559.3 tỷ đồng về số tuyệt đối. Tốc độ giải ngân trong tháng 9 bằng 1.58 lần so với tốc độ giải ngân trong tháng 8, đạt tốc độ giải ngân hàng tháng cao thứ 2 trong 9 tháng đầu năm, chỉ kém 3% so với mức giải ngân tháng 6 (137,576 tỷ đồng).

Dù kết quả giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng tích cực hơn năm trước, nhưng yêu cầu đặt ra cho những tháng cuối năm vẫn là thách thức lớn. Đơn cử như các dự án trọng điểm của ngành giao thông chiếm hơn 25% tổng kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng 9 tháng qua mới giải ngân gần 43% kế hoạch, thấp hơn khá nhiều mặt bằng chung cả nước.

Biểu đồ 14. Tiến độ giải ngân đầu tư công theo kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, lũy kế tháng



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

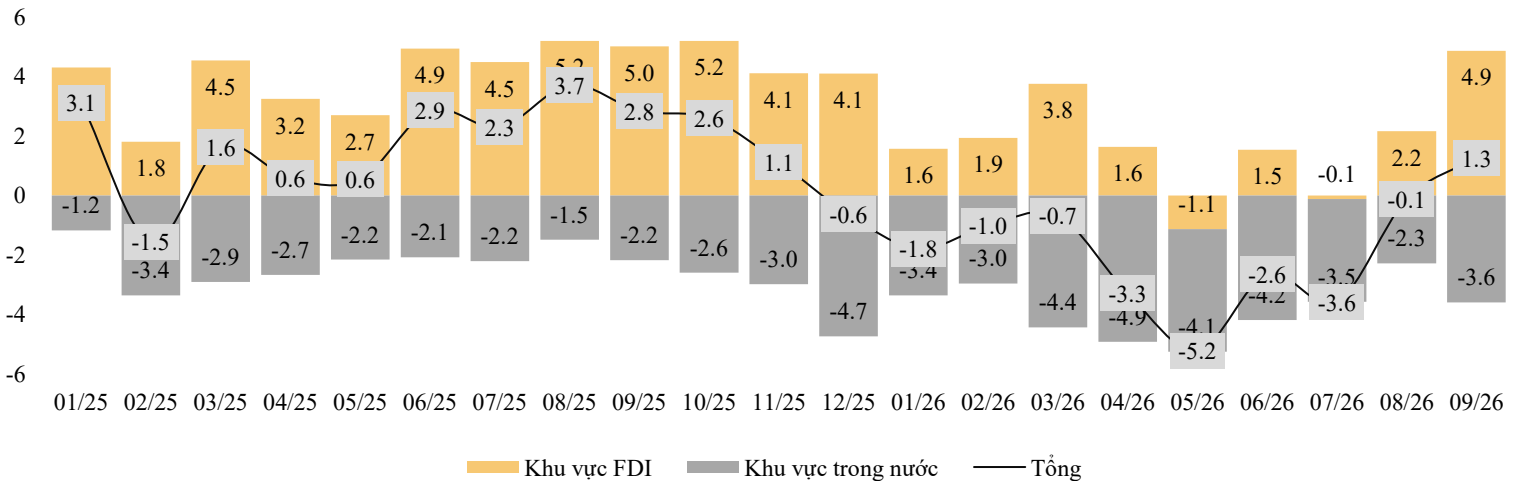
NX - Xuất nhập khẩu

Q3/2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 337.15 tỷ USD, tăng 36% so với cùng kỳ, với cán cân thương mại ghi nhận thâm hụt 2.42 tỷ USD, thấp nhất trong 3 quý đầu năm. Nhập siêu theo tháng thu hẹp liên tục, từ 3.59 tỷ USD (tháng 7) xuống 0.11 tỷ USD (tháng 8) rồi chuyển thành xuất siêu 1.27 tỷ USD (tháng 9). Tuy vậy, thâm hụt lũy kế 9 tháng vẫn là 19.42 tỷ USD, trái ngược với thặng dư 16.87 tỷ USD cùng kỳ 2025.

Trong 9 tháng, khu vực FDI (kể cả dầu thô) xuất siêu 14.86 tỷ USD, trong khi khu vực trong nước nhập siêu 34.28 tỷ USD. FDI chiếm 80.7% kim ngạch xuất khẩu lũy kế 9 tháng và đóng góp tới 4.9 tỷ USD xuất siêu trong tháng 9, giúp kéo lại cán cân thương mại thặng dư trở lại lần đầu tiên kể từ tháng 11/2025.

Biểu đồ 15. Cán cân thương mại Việt Nam theo tháng

Tỷ USD



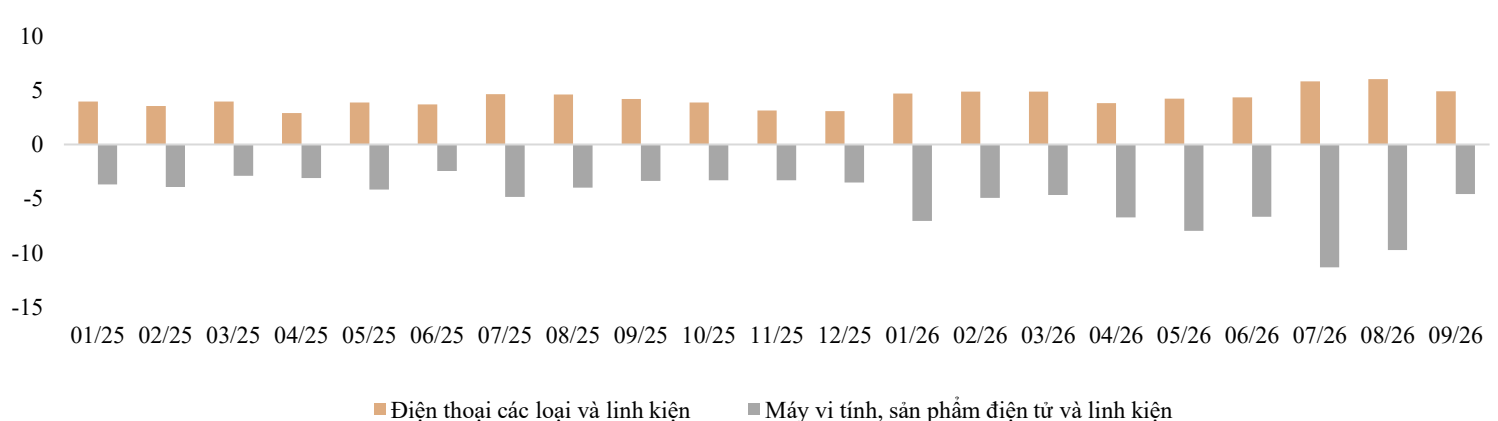
Nguồn: GDVC, Kirin Capital tổng hợp

Tình trạng nhập siêu kéo dài suốt 8 tháng đầu năm tới một phần từ đà tăng nhập khẩu điện tử. Đà tăng nhập khẩu điện tử gồm cả yếu tố chu kỳ lẫn cấu trúc. Yếu tố chu kỳ gồm giá chip, SSD tăng 300–500% và việc doanh nghiệp nâng thời gian dự trữ nguyên liệu từ 6 lên 12 tuần trước cơn sốt nhu cầu AI. Yếu tố cấu trúc là làn sóng mở rộng đầu tư của khu vực FDI (Samsung, Intel, BYD). Phần chu kỳ có thể hạ nhiệt khi giá ổn định và tồn kho đã đủ, còn phần cấu trúc sẽ tiếp tục đẩy nhập khẩu đầu vào lên cùng với năng lực xuất khẩu. Cơ cấu này cho thấy nhập khẩu tăng nhanh gắn với mở rộng năng lực sản xuất và đầu tư.

Kể từ tháng 7/2026, thặng dư xuất khẩu điện thoại và linh kiện đã tăng tốc trở lại cùng lúc quy mô nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện cũng ghi nhận hạ nhiệt từ đỉnh tháng 7. Dự báo xu hướng tăng tốc thặng dư có thể tiếp diễn trong Q4/2026. Dù vậy, để đạt được mục tiêu nhập siêu dưới 10 tỷ USD, Q4/2026 cần xuất siêu khoảng 9.4 tỷ USD.

Biểu đồ 16. Cán cân thương mại của một số nhóm hàng hóa tiêu biểu

Tỷ USD



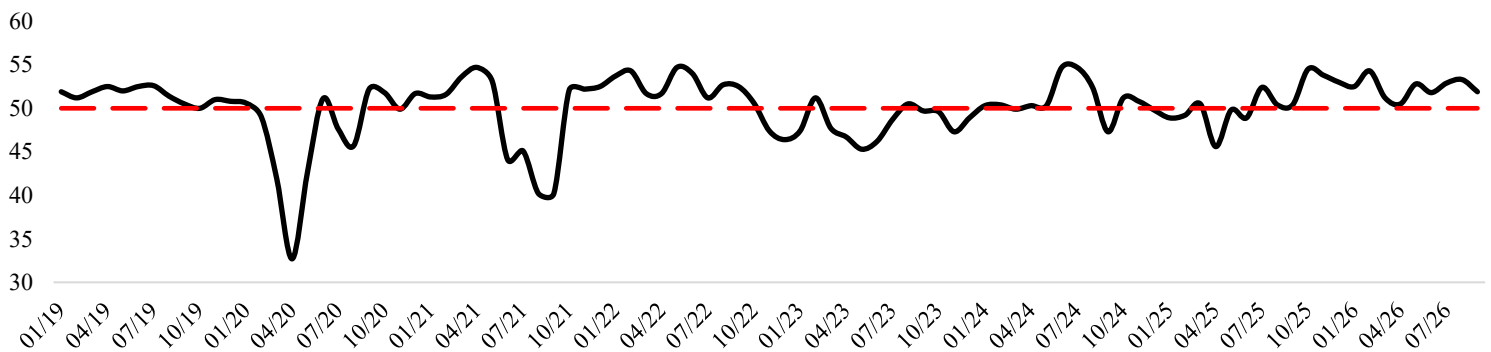
Nguồn: GDVC, Kirin Capital tổng hợp

Chỉ số PMI

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI®) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global ghi nhận giảm trong tháng 9/2026, đạt 51.9 điểm. Ngành sản xuất Việt Nam đã ghi nhận tăng trưởng liên tục kể từ tháng 7/2025, với mức tăng trưởng bình quân Q3/2026 cải thiện so với quý liền kề khi biến động địa chính trị phần nào hạ nhiệt.

- Ngành sản xuất của Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng trong tháng 9, mặc dù tốc độ tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đã chậm lại so với tháng 8.
- Trong khi đó, chi phí đầu vào tiếp tục tăng đáng kể, nhưng tốc độ tăng giá đầu ra tiếp tục chậm lại, một phần do áp lực cạnh tranh, dẫn tới các công ty khó có thể chuyển giao gánh nặng chi phí đầu vào sang cho khách hàng.
- Kỳ vọng các điều kiện thị trường sẽ cải thiện đã hỗ trợ cho niềm tin rằng sản lượng sẽ tăng trong năm tới. Kế hoạch đưa ra các sản phẩm mới cũng hỗ trợ cho tâm lý lạc quan, và tâm lý kinh doanh đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 2.

Biểu đồ 17. Chỉ số PMI Việt Nam



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

Bảng 1. Đánh giá PMI tháng 9/2026 theo các cấu phần

Cấu phần PMI	Tình trạng tháng 9/2026
Đơn hàng mới (30%)	Số lượng đơn đặt hàng mới tăng là nhân tố giúp tăng sản lượng, chủ yếu nhờ các điều kiện thị trường cải thiện và khách hàng đã tăng số lượng đơn hàng. Tuy nhiên, tiếp tục có những báo cáo cho thấy nhu cầu trên thị trường quốc tế vẫn yếu, từ đó khiến số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp.
Sản xuất (25%)	Sản lượng tiếp tục tăng đáng kể trong tháng 9, duy trì chuỗi cải thiện liên tục từ tháng 5/2025.
Việc làm (20%)	Lần giảm việc làm này là lần giảm thứ hai trong hai tháng, khi các thành viên nhóm khảo sát báo cáo tình trạng nhân viên nghỉ việc diễn ra đồng thời với những nỗ lực tái cấu trúc. Tuy nhiên, mức giảm quy mô nhân sự trong tháng 9 ghi nhận không đáng kể.
Giao hàng từ nhà cung cấp (15%)	Thời gian giao hàng của nhà cung cấp ghi nhận kéo dài do những vấn đề liên quan đến vận tải quốc tế và điều kiện thời tiết xấu
Hàng tồn kho (10%)	Tồn kho hàng thành phẩm đã giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ khi khảo sát bắt đầu vào tháng 3/2011 khi các nhà sản xuất tăng tốc vận chuyển tới khách hàng.

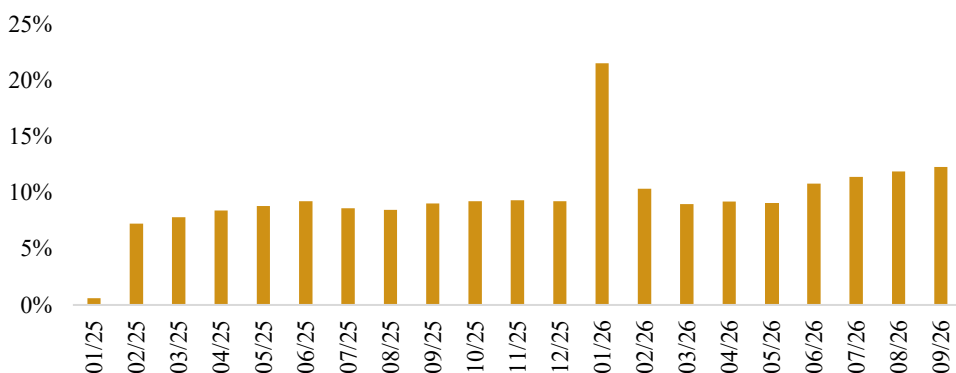
Nguồn: S&P Global, Kirin Capital tổng hợp

Chỉ số IIP

Chỉ số sản xuất công nghiệp lũy kế toàn quốc ghi nhận cải thiện liên tục từ tháng 6/2026. IIP quý 3/2026 ước tăng 14.8% so với cùng kỳ, trong đó chế biến, chế tạo tăng 15.3%, đưa 9 tháng lên 12.3%, mức cao nhất cùng kỳ kể từ năm 2019. Đáng lưu ý, số lao động trong doanh nghiệp công nghiệp chỉ tăng 3.4% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với sản lượng, nên đà tăng chủ yếu đến từ năng lực máy móc và năng suất, ít lan sang việc làm. Tăng trưởng đang dịch về phía công nghiệp vốn lớn và công nghệ cao.

Toàn bộ 34/34 tỉnh, thành phố trên cả nước đều duy trì tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) dương (9 tháng). Bên cạnh các trung tâm FDI lớn như Thái Nguyên (+23.2%), Bắc Ninh (+20.2%), Hải Phòng (+15.2%), đà tăng còn ghi nhận rất cao ở các địa phương phát triển công nghiệp nội địa, hạ tầng năng lượng và vật liệu như Hà Tĩnh (+40.2%), Ninh Bình (+25.0%), Nghệ An (+21.5%), Phú Thọ (+21.5%), Quảng Ninh (+18.6%).

Biểu đồ 18. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp lũy kế so với cùng kỳ (IIP)



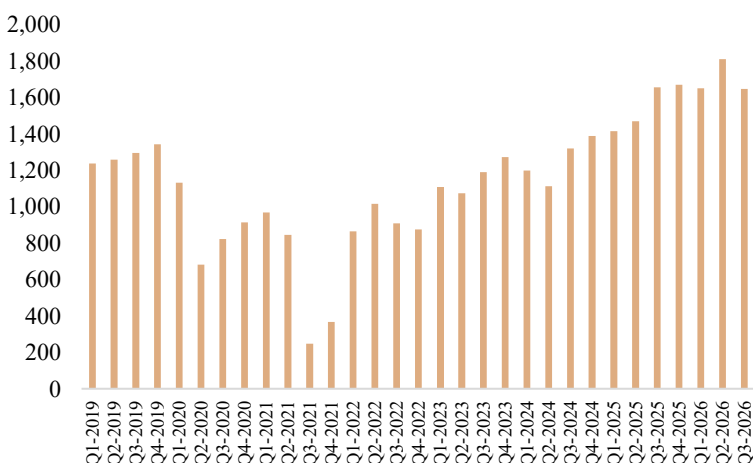
Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

Vận tải hành khách – hàng hóa

Vận tải tiếp tục tăng trưởng hai chữ số trong Q3/2026 và 9 tháng đầu năm. Trong đó, vận tải hành khách và vận tải hàng hóa lần lượt ghi nhận tăng trưởng 17.4% và 15.8% trong 9 tháng đầu năm. Dù vậy, sự phân hóa giữa các phương thức ngày càng rõ khi đường bộ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong vận chuyển hàng hóa, còn đường sắt lại đi theo chiều ngược lại. Trong khi tổng khối lượng vận tải hàng hóa đường bộ tăng trưởng 17% so với cùng kỳ, vận tải hàng hóa bằng đường sắt lại giảm tới 18.6%. Vận tải đường bộ vẫn đang gánh vác khoảng 75% lượng hàng hóa và trên 90% lượng hành khách. Nếu phần lớn dòng hàng tiếp tục tập trung vào một phương thức, những điểm nghẽn của phương thức đó sẽ nhanh chóng trở thành điểm nghẽn của toàn chuỗi logistics. Vận tải hành khách ghi nhận tăng trưởng 17.4% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm

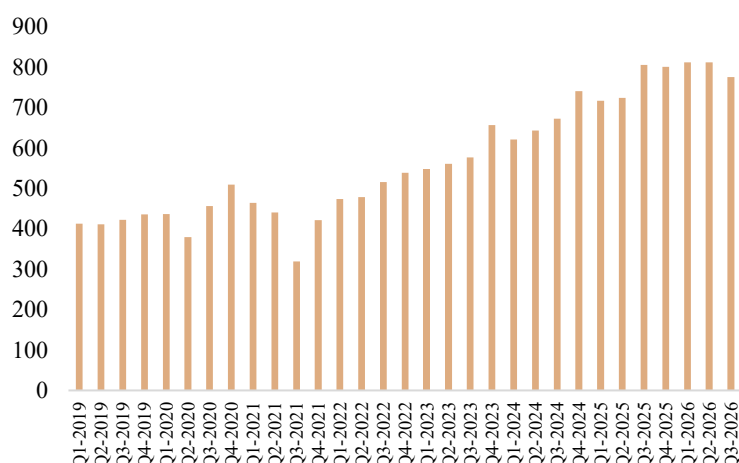
Biểu đồ 19. Số lượng hành khách vận chuyển tại Việt Nam

Triệu lượt hành khách



Biểu đồ 20. Khối lượng hàng hóa vận chuyển tại Việt Nam

Triệu tấn hàng hóa vận chuyển



Nguồn: GSO, Kirin Capital tổng hợp

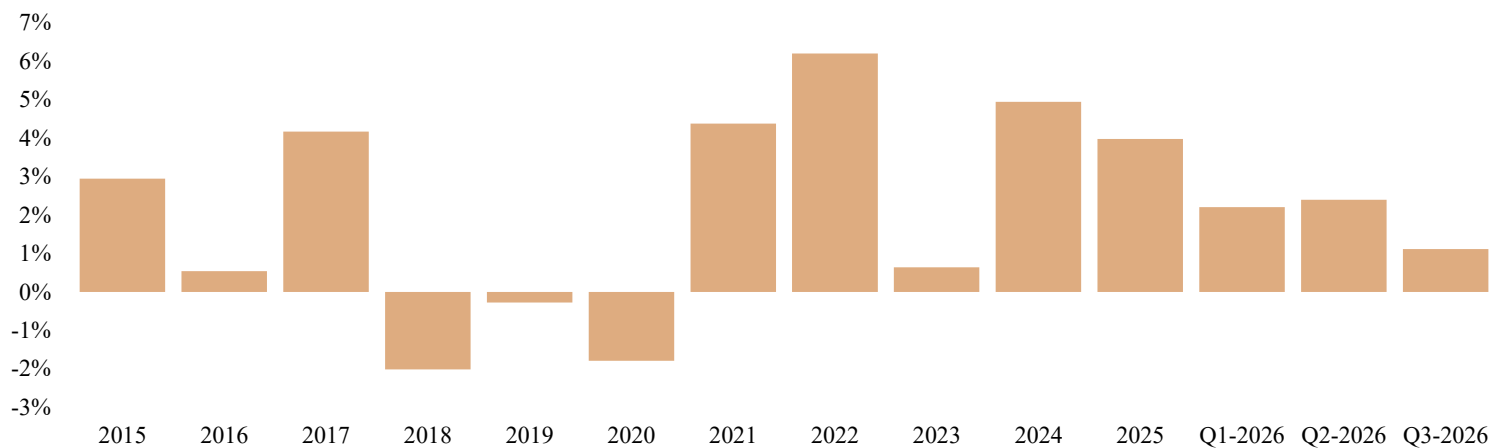
Tổng phương tiện thanh toán

Tính đến thời điểm 28/9/2026, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9.78% so với cuối năm 2025 (cùng thời điểm năm trước tăng 9.99%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10.89% (cùng thời điểm năm trước tăng 13.37%). Chênh lệch tăng trưởng tín dụng – huy động đã thu hẹp đáng kể so với Q2/2026 và so với cùng thời điểm năm trước.

Theo số liệu mới nhất tới cuối tháng 7/2026, tiền gửi dân cư đạt mức cao nhất từ trước tới nay là 11.2 triệu tỷ đồng (tăng 151.6 nghìn tỷ đồng so với tháng trước) trong khi tiền gửi doanh nghiệp và tổ chức kinh tế giảm 130.7 nghìn tỷ đồng so với tháng trước và giảm 0.98% so với cuối năm 2025. Trước đó, tháng 10/2025 là lần đầu tiên thị trường ghi nhận tiền gửi của người dân vào hệ thống ngân hàng vượt 10 triệu tỷ đồng và tăng liên tục cho đến nay.

Xu hướng này cho thấy trong bối cảnh các kênh đầu tư phổ biến như chứng khoán, vàng, bất động sản gặp nhiều thách thức trong môi trường lãi suất cao, tiền gửi dân cư đã có xu hướng quay lại hệ thống ngân hàng.

Biểu đồ 21. Chênh lệch tăng trưởng huy động và tín dụng tới 28/9/2026

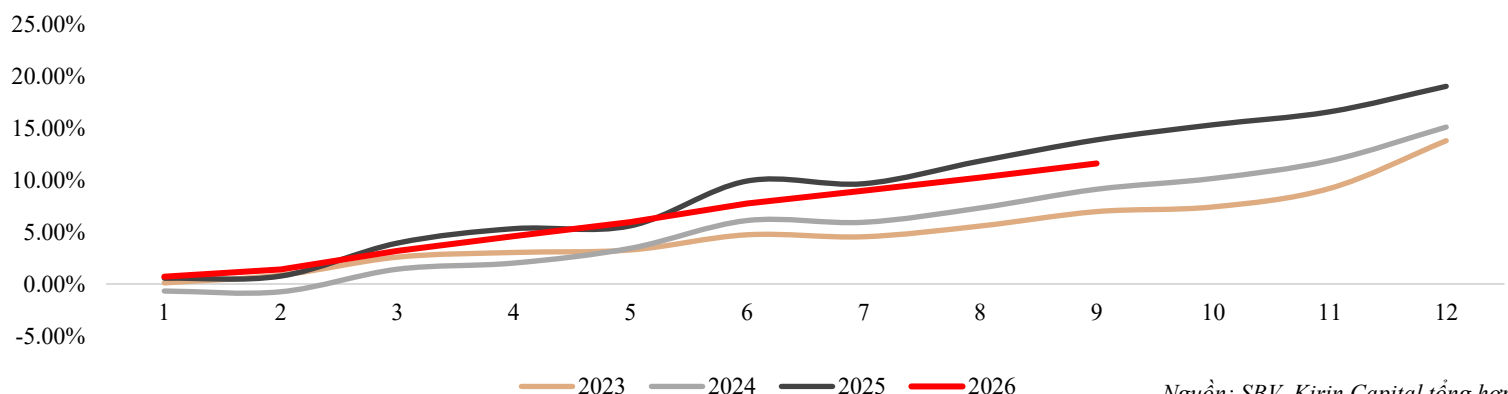


Nguồn: SBV, Kirin Capital tổng hợp

Tăng trưởng tín dụng

Tính tới ngày 30/09/2026, tổng dư nợ của hệ thống đạt khoảng 20.75 triệu tỷ đồng, tăng 11.59% so với cuối năm trước và 16.69% so với cùng kỳ năm 2025. Vốn tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên: trong đó khoảng 77.44% dư nợ nền kinh tế phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các tổ chức tín dụng (TCTD) Q4/2026, các TCTD kỳ vọng huy động vốn tăng bình quân 4.1% trong khi tín dụng tăng tới 5.3%. Cũng theo kết quả điều tra, các TCTD cho rằng trong Q3/2026, nhu cầu vay vốn của nhóm khách hàng là tổ chức kinh tế tiếp tục cao hơn nhóm khách hàng cá nhân, trong đó nhu cầu vay vốn của nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận định có dấu hiệu tăng rõ rệt. Nhóm NHTMCP quy mô nhỏ là nhóm đánh giá nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng tăng mạnh nhất trong quý 3/2026. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng của toàn hệ thống có tín hiệu cải thiện rõ nét hơn trong quý 3/2026 và được kỳ vọng tiếp tục cải thiện trong những tháng cuối năm ở hầu hết các nhóm TCTD.

Biểu đồ 22. Tăng trưởng tín dụng (YTD) của Việt Nam



Nguồn: SBV, Kirin Capital tổng hợp

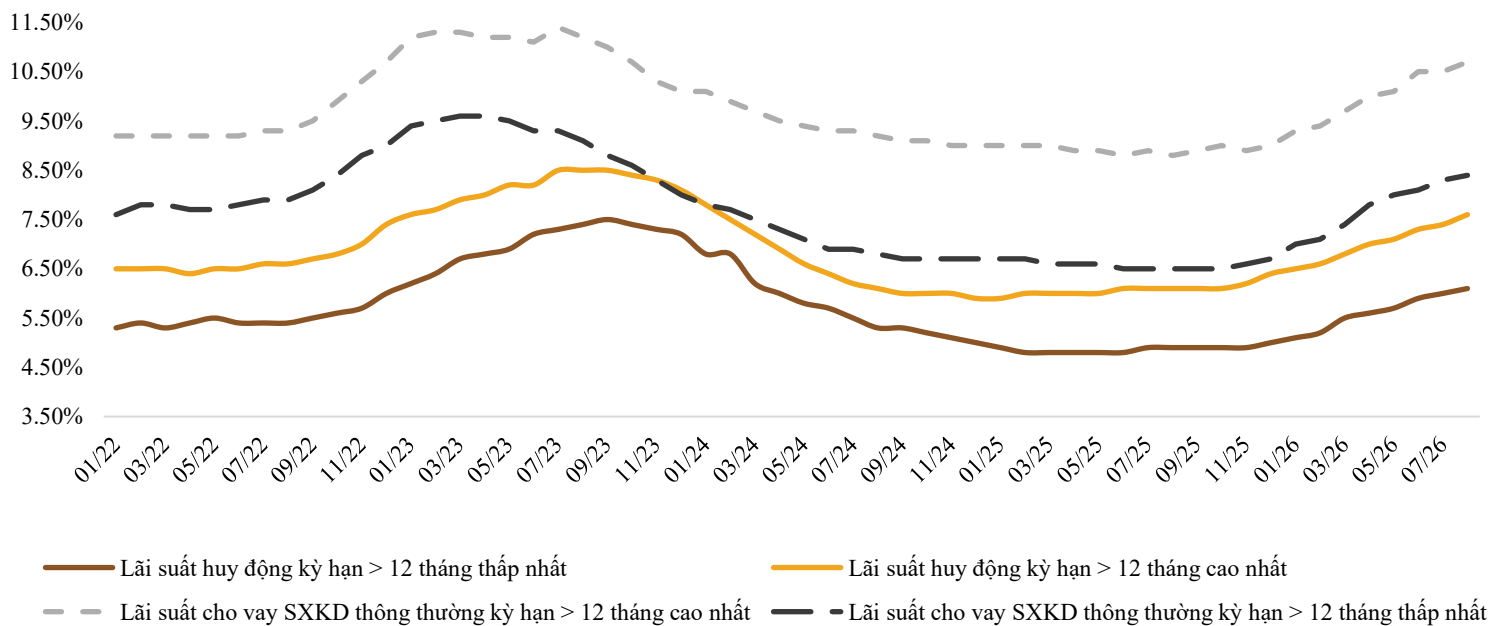
Lãi suất huy động và cho vay

Kết luận Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chỉ rõ, điều hành kinh tế vĩ mô đang chịu áp lực ngày càng lớn, mặt bằng lãi suất còn tương đối cao.

Trong năm, NHNN đã thực hiện quyết liệt các giải pháp để ổn định mặt bằng lãi suất thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, bao gồm: (1) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; (2) chỉ đạo các TCTD triển khai các giải pháp để ổn định mặt bằng lãi suất; (3) tổ chức làm việc trực tiếp với các ngân hàng thương mại (NHTM), yêu cầu giảm lãi suất tiền gửi các giao dịch phát sinh mới đối với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên; giảm lãi suất tiền gửi niêm yết và lãi suất cho vay; (4) kiểm tra việc giảm lãi suất theo chỉ đạo của NHNN.

"Với các giải pháp trên, tốc độ tăng lãi suất đang chậm lại và mặt bằng lãi suất về cơ bản đang xoay quanh mặt bằng mới. Đến ngày 20/9/2026, lãi suất tiền gửi bình quân của các giao dịch phát sinh mới ở mức 6.38%/năm, tăng 1.15%/năm so với cuối năm 2025", Phó Thống đốc NHNN nhấn mạnh. Mới đây, NHNN cũng đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động giải pháp để giảm lãi tiền gửi kỳ hạn từ 6 tháng, tiếp tục hạ lãi suất cho vay.

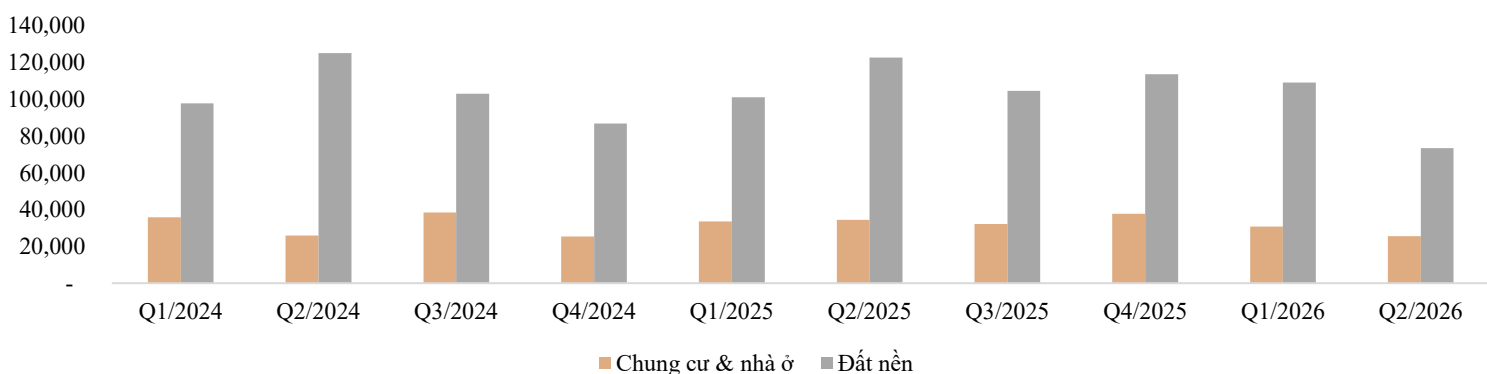
Biểu đồ 23. Lãi suất bình quân các tổ chức tín dụng tại Việt Nam



Nguồn: Fiinpro, Kirin Capital tổng hợp

Mặt bằng lãi suất cho vay đang tạo áp lực ngày càng lớn lên thị trường bất động sản. Đáng lo ngại hơn, áp lực đang chuyển từ nhóm khách hàng có ý định mua mới sang cả những người đã mua trước đó. Nhiều người đã mua bất động sản trong những năm trước, đến nay, lãi suất tăng nhưng dòng tiền không còn đủ để trả ngân hàng. Trong khi đó, thị trường lại thiếu thanh khoản nên muốn bán tài sản để cơ cấu dòng tiền cũng không dễ. Một số trường hợp ghi nhận lãi suất vay mua nhà thả nổi lên tới hơn 18%.

Biểu đồ 24. Số lượng giao dịch bất động sản cả nước



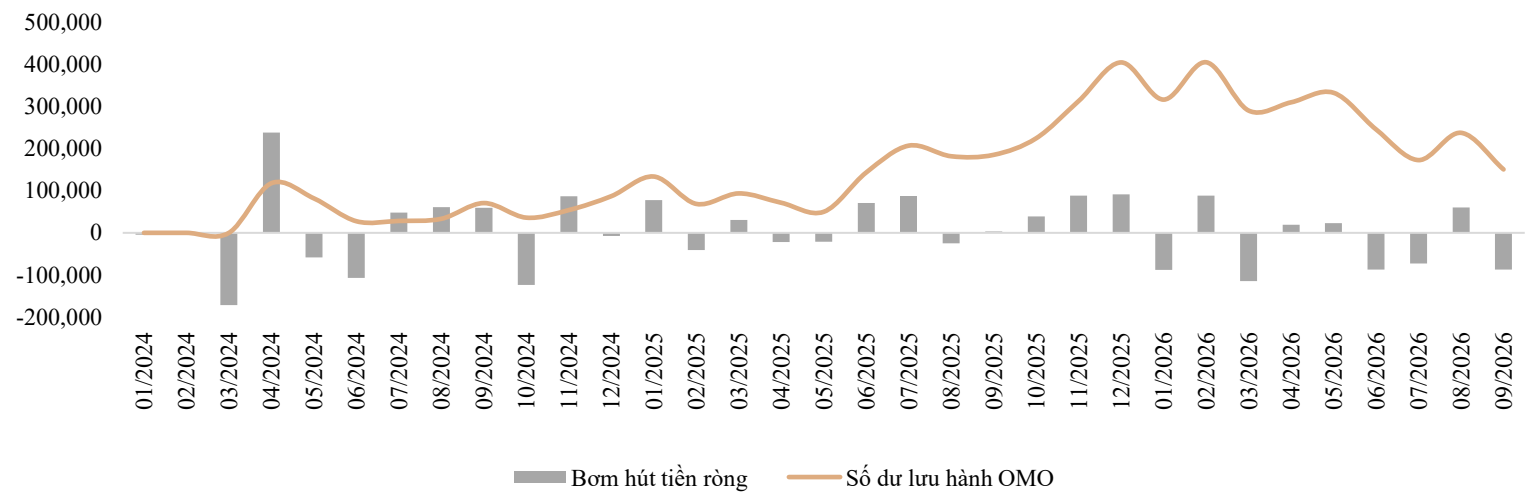
Nguồn: MOC, Kirin Capital tổng hợp

Nghiệp vụ thị trường mở

Trong giai đoạn tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ năm 2025, NHNN đã nhiều lần hỗ trợ thanh khoản bằng những đợt bơm tiền ròng lớn, tiêu biểu như giai đoạn liên tục tăng bơm ròng cuối năm 2025. Dù vậy, định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2026 đã được xây dựng một cách có kiểm soát, với mục tiêu cụ thể hơn, dẫn tới nhu cầu hỗ trợ thanh khoản hạ nhiệt. Số dư OMO lưu hành từ mức đỉnh 404.6 nghìn tỷ đồng cuối tháng 2/2026 đã giảm về còn 113.9 nghìn tỷ đồng cuối tháng 9/2026. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, NHNN đã hút ròng 258.3 nghìn tỷ đồng. Tính tới cuối ngày 7/10, NHNN vẫn tiếp tục đà hút ròng, đưa khối lượng lưu hành về mức 94.2 nghìn tỷ đồng.

Biểu đồ 25. Bơm hút ròng thị trường mở Việt Nam

Tỷ đồng

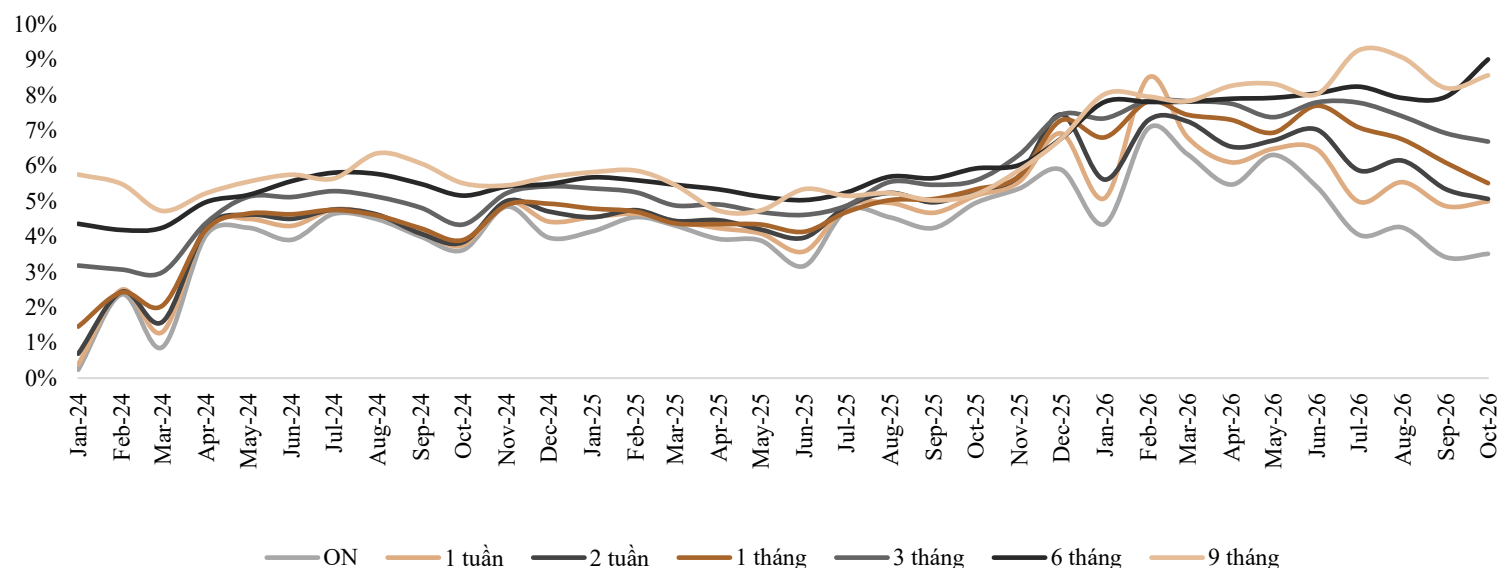


Nguồn: Fiinpro, Kirin Capital tổng hợp

Lãi suất liên ngân hàng

Lãi suất liên ngân hàng bình quân tháng đã liên tục suy giảm từ đỉnh Tết âm lịch tháng 2/2026, hiện chỉ còn 3.41% trong tháng 9/2026. Đa số các lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn như 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng đều ghi nhận giảm so với đầu năm, trong khi lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng đều ghi nhận tăng. Đặc biệt lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 6 tháng trong những ngày đầu tháng 10 ghi nhận đạt 9% trong bối cảnh NHNN vừa chỉ đạo giảm lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng, dẫn tới rủi ro thiếu hụt tiền gửi kỳ hạn 6 tháng.

Biểu đồ 26. Lãi suất bình quân liên ngân hàng các kỳ hạn



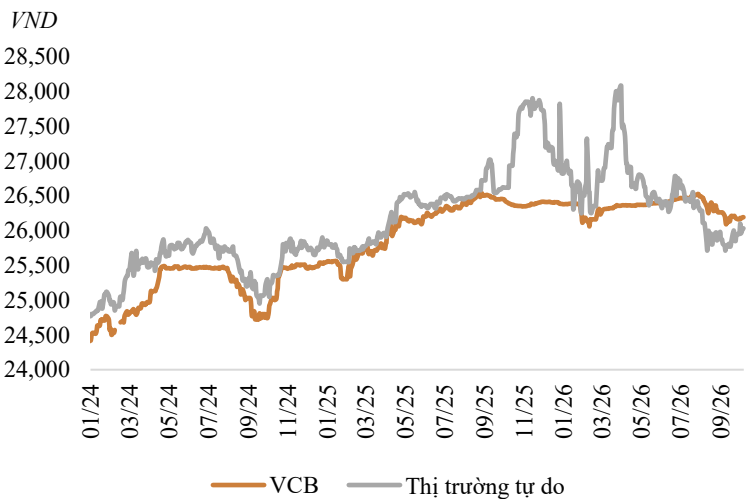
Nguồn: Fiinpro, Kirin Capital tổng hợp

Tỷ giá USD - VND

Tính tới ngày 6/10/2026, tỷ giá USD/VND tại VCB và thị trường tự do lần lượt ghi nhận giảm 0.71% và 2.95% so với đầu năm, trái ngược với tình trạng mất giá liên tục trong năm 2025. Mặc dù FED đã tăng lãi suất điều hành lần đầu tiên trong 3 năm, áp lực lên tỷ giá ghi nhận hạn chế nhờ được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI liên tục cải thiện, môi trường lãi suất neo cao trong nước và cán cân thương mại trở lại thặng dư trong tháng 9/2026.

Dù vậy, áp lực tỷ giá giai đoạn cuối năm vẫn hiện hữu khi các ngân hàng trung ương lớn đang thận trọng trước rủi ro lạm phát. Ngoài FED và Ngân hàng Trung ương Nhật Bản, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 10/9 quyết định tăng các mức lãi suất chủ chốt thêm 0.25 điểm phần trăm - đây là lần thứ hai ECB tăng lãi suất trong năm 2026. Chỉ số Dollar Index (DXY) cũng đang ghi nhận chuỗi tăng giá liên tiếp kể từ đầu tháng 9 tới nay, khi giá dầu leo thang và căng thẳng gia tăng ở Trung Đông khiến giới đầu tư tìm đến các tài sản an toàn. Ngoài ra, lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm duy trì gần mức cao nhất trong khoảng hai thập kỷ trong bối cảnh thị trường kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) sẽ nâng lãi suất trong năm nay. Từ đó, tạo thêm lực đẩy giúp đồng USD chưa ngừng đà tăng.

Biểu đồ 27. Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Fiinpro, Kirin Capital tổng hợp

Biểu đồ 28. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm

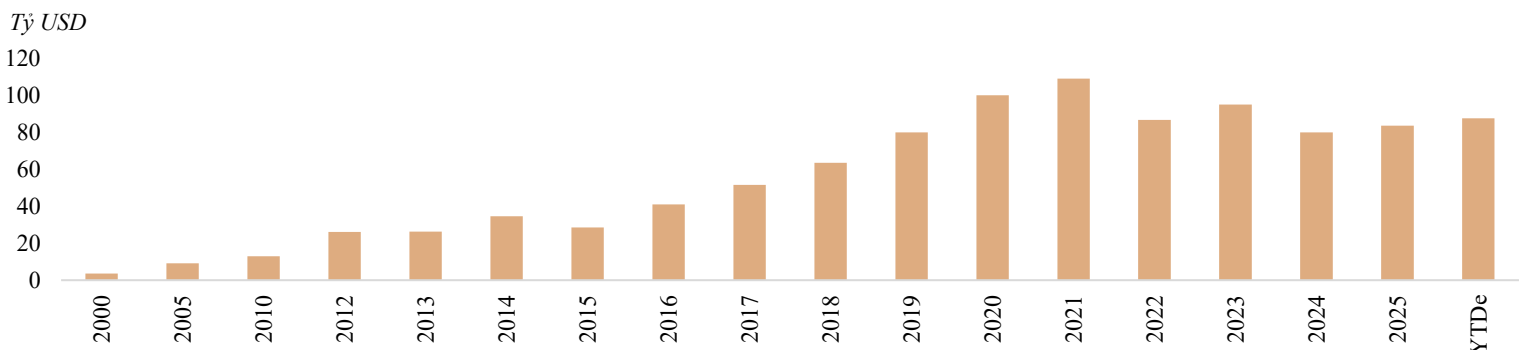


Nguồn: FRED, Kirin Capital tổng hợp

Dự trữ ngoại hối

Dữ liệu mới nhất quy mô dự trữ ngoại hối hiện nay của Việt Nam hiện đạt khoảng 98.81 tỷ USD. Mức dự trữ này vẫn còn khiêm tốn so với tiêu chuẩn an toàn 3 tháng nhập khẩu (tương đương 169.78 tỷ USD). Biến động thu hẹp chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới cũng góp phần hạn chế dòng ngoại tệ chảy ra và giảm động cơ đầu cơ các tài sản này. Ngoài ra, Bộ Tài chính Việt Nam đang trao đổi với các ngân hàng đầu tư về khả năng phát hành trái phiếu chính phủ bằng USD, đánh dấu lần huy động vốn quốc tế đầu tiên của Chính phủ sau hơn một thập kỷ. Trong năm nay, Ngân hàng Nhà nước cũng đã nâng hạn mức vay nước ngoài của khu vực tư nhân lên 6.1 tỷ USD, từ mức 5.5 tỷ USD năm 2025.

Biểu đồ 29. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam



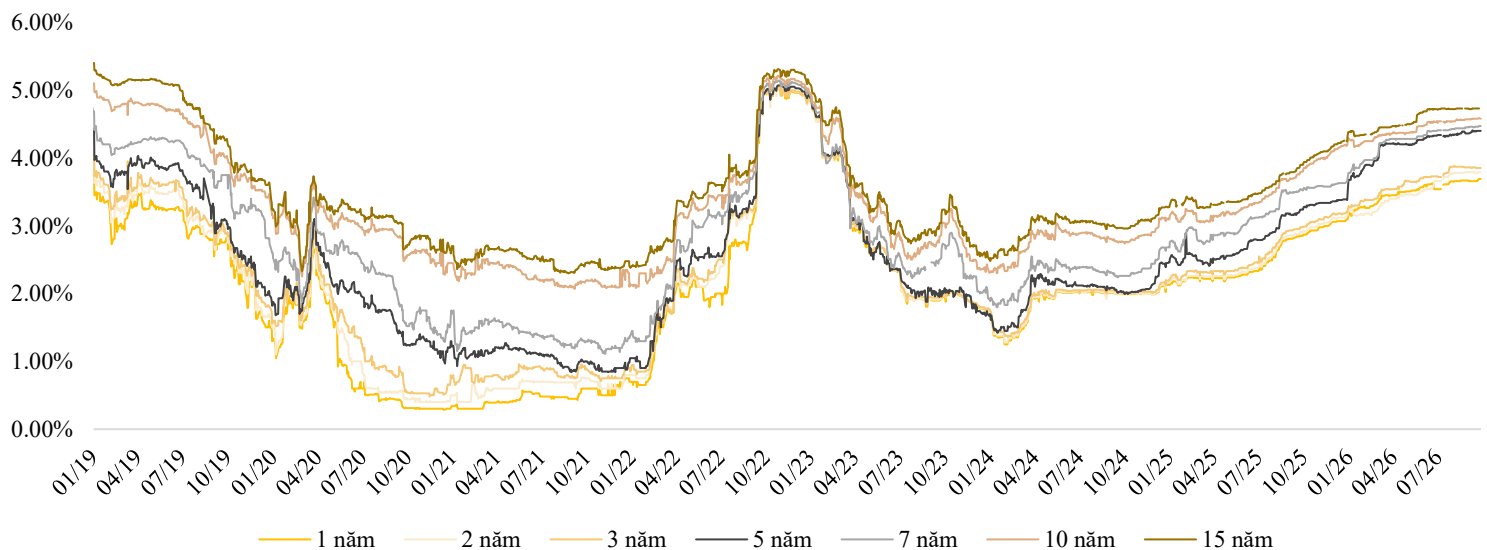
Nguồn: Fiinpro, Kirin Capital tổng hợp

Trái phiếu Chính phủ

Tính từ đầu năm đến ngày 30/9, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 296,227 tỷ đồng TPCP các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 59.2% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026. Trong số này, trái phiếu kỳ hạn 10 năm được phát hành nhiều nhất với 215,869 tỷ đồng, tiếp đến là kỳ hạn 5 năm với 75,663 tỷ đồng và kỳ hạn 15 năm với 3,250 tỷ đồng. 3 kỳ hạn này chiếm khoảng 99.5% tổng giá trị huy động từ đầu năm. Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPCP trong tuần đạt 122,477 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch outright chiếm khoảng 66%, với giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 16,185 tỷ đồng, giảm 19.4% so với kỳ trước. Ngược lại, giao dịch repo bình quân ngày đạt 8,311 tỷ đồng, tăng 26%. Khối ngoại mua ròng khoảng 743 tỷ đồng trong tuần. Tuy nhiên, tính từ đầu năm đến nay, nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng khoảng 4,789 tỷ đồng.

76% trái phiếu Chính phủ Việt Nam có kỳ hạn còn lại trên 5 năm, tỷ trọng cao nhất trong nhóm thị trường được so sánh, vượt cả Malaysia và Hàn Quốc. Xu hướng kéo dài kỳ hạn vẫn tiếp diễn trong 9 tháng đầu năm 2026, kỳ hạn phát hành bình quân tăng lên 9.5 năm, từ 9.3 năm cùng kỳ. Thanh khoản cải thiện với giá trị giao dịch bình quân, gồm giao dịch mua bán đứt và repo, đạt 644 triệu USD mỗi ngày, tăng 9%. Ngân hàng Thế giới (WB) nêu thêm các tín hiệu cảnh báo về phía cầu. Lợi suất 10 năm hiện đã lên tới 4.59%, tăng khoảng 80 điểm cơ bản trong một năm. Cùng lúc, tỷ lệ đăng ký mua giảm còn 49% và hệ số bid-to-cover (tỷ lệ đặt thầu so với tỷ lệ chào bán) xuống dưới 100%, nghĩa là lượng đặt mua không đủ khối lượng gọi thầu. Vấn đề nằm ở cơ sở nhà đầu tư hẹp. Theo VBMA, ngân hàng và khối bảo hiểm nắm đến 97% trái phiếu Chính phủ.

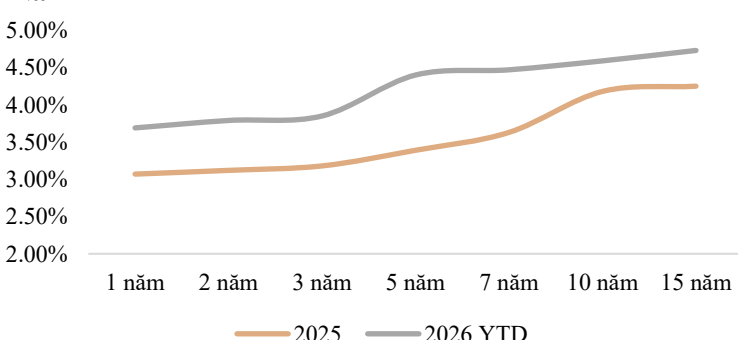
Biểu đồ 30. Lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



Nguồn: VNST, Kirin Capital tổng hợp

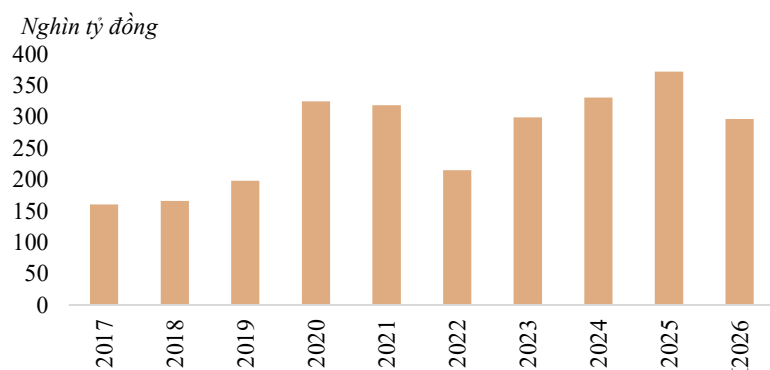
So với cuối năm 2025, đường cong lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam ghi nhận tăng tại tất cả các kỳ hạn nhưng tăng mạnh nhất ở kỳ hạn 5 năm và 7 năm, phản ánh nhu cầu vốn cao hơn trong trung hạn, phù hợp với mục tiêu tăng mạnh 2 chữ số giai đoạn 2026-2030.

Biểu đồ 31. Đường cong lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



Nguồn: VNST, Kirin Capital tổng hợp

Biểu đồ 32. Giá trị phát hành trái phiếu chính phủ



Nguồn: VBMA, Kirin Capital tổng hợp

VỀ KIRIN CAPITAL

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Kirin Capital (dưới đây gọi tắt là Kirin Capital) là một tổ chức đầu tư tư nhân vào tất cả các giai đoạn dựa trên nghiên cứu chuyên sâu tại thị trường Việt Nam với tôn chỉ “Know Vietnam, Long Vietnam”. Công ty tìm kiếm các cơ hội có giá trị đầu tư dài hạn và tăng trưởng cao tại Việt Nam, từ đó lan tỏa cho các nhà đầu tư từ khắp nơi trên thế giới đầu tư vào Việt Nam và chia sẻ lợi nhuận từ sự phát triển thịnh vượng của Việt Nam mang lại.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Kirin Capital (Kirin Capital), những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và Kirin Capital không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Các nhận định trong bản báo cáo này dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo, các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Kirin Capital sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ thông tin hoặc ý kiến của báo cáo này.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của Kirin Capital.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Giám đốc đầu tư

Trần Bình Dương

binhduong@kirincapital.vn

Ngành Tiện ích & Hàng hóa

Nguyễn Gia Khánh – Chuyên viên đầu tư

giakhanh@kirincapital.vn

Ngành Tiêu dùng & Dịch vụ

Dương Thành Hưng – Chuyên viên đầu tư

thanhhung@kirincapital.vn

Ngành Ngân hàng & Chứng khoán

Nguyễn Đức Trung - Chuyên viên đầu tư

trungnguyen@kirincapital.vn